

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO , THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CĐ , xã TL, huyện VB , thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn 7, xã VT, huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M; nơi cư trú: Thôn CĐ , xã TL , huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 06-11-2009. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng tính cách không hòa hợp nên đã xảy ra bất hòa. Do mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng căng thẳng nên chị đã đưa 01 con chung về gia đình ở Thôn 7, xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 01-6-2011 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 19-01-2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị Kim N cho chị nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Viết Cường cho anh M nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh M.

Về tài sản: Chị và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn M xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do không hợp tính nhau nên chị L đã đưa con nhỏ về gia đình ở xã VT, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Nay chị L xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 01-6-2011 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 19-01-2015. Khi ly hôn, anh đề nghị nuôi con Nguyễn Văn C và giao con Nguyễn Thị Kim N cho chị L nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự giải quyết với chị L.

Về tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật như không nộp bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Giao con Nguyễn Văn C, sinh ngày 01-6-2011 cho anh M nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Kim N cho chị L nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh M tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về tài sản: Chị L và anh M không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn CĐ , xã TL , huyện VB , thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB , thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh M vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Nguyễn Văn M.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL , huyện VB , thành phố Hải Phòng vào ngày 06-11-2009. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do không hợp tính nhau nên đã xảy ra bất hòa. Từ năm 2015 đến nay chị L đã đưa 01 con chung về gia đình ở thôn 7, xã VT , huyện VB , thành phố Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị L nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M . Quá trình giải quyết vụ án, anh M đề nghị Tòa án giải quyết việc chị L xin ly hôn anh theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của

chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh ngày 01-6-2011 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 19-01-2015. Khi ly hôn, chị L và anh M cùng đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Văn C cho anh M nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Kim N cho chị L nuôi dưỡng. Xét yêu cầu nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Chị L và anh M có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Hiện nay con chung Nguyễn Thị Kim N còn nhỏ đang ở với chị L, con Nguyễn Văn C đang ở với anh M đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với anh M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con Nguyễn Văn C cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Kim N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh M xin tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 19-01-2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 01-6-2011 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18

tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị L và anh M tự giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001300 ngày 14 tháng 01 năm 2019. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB ;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB ;
- UBND xã TL huyện VB , thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**